TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 4
PHIẾU SỐ 45

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Giá trị của chữ số 9 trong số 159 672 là:

A. 9 **B.** 90 000 **C.** 900 **D.** 9000

Câu 2. Làm tròn số 26 465 294 đến hàng trăm nghìn ta được số:

A. 26 400 000 **B.** 26 000 000 **C.** 26 470 000 **D.** 26 500 000

Câu 3. Kho thứ nhất có 1309 kg thóc, kho thứ hai có gấp 4 lần kho thứ nhất, kho thứ ba ít hơn kho thứ hai 440 kg. Cả ba kho có:

A. 12 221 kg **B.** 6545 kg **C.** 11 341 kg **D.** 4796 kg

Câu 4. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 2328 + 832 = 832 + …….

A. 3160 **B.** 2328 **C.** 1496 **D.** 832

Câu 5. Năm 1901 thuộc thế kỉ nào?

A. thế kỉ XX **B.** thế kỉ XIX **C.** thế kỉ XVIII **D.** thế kỉ XXI

Câu 6. Góc bẹt được chia thành hai góc, một góc có số đo 55°. Góc còn lại có số đo là:

A. 125° **B.** 55° **C.** 35° **D.** 235°

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Cho dãy số: 25, 31, 37, 43, ……, 337. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Dãy có ……. số

b) Số thứ 28 của dãy là: …….

Bài 2. Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 588 988 + 247 303 = …….

b) 672 103 − 169 313 = …….

c) 13 890 × 5 = …….

d) 8241 : 3 = …….

Bài 3. Tính bằng cách thuận tiện:

a) 6253 + 355 + 645 = …….

b) 4927 + 6045 − 927 = …….

c) 170 + 7333 + 30 = …….

Bài 4. Hình bình hành ABCD có cạnh AB = 33 cm, cạnh BC = 28 cm. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Chu vi hình bình hành: …… cm

b) Cạnh DC dài: …… cm

c) Cạnh AD dài: …… cm

Bài 5. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Hình thoi có hai cặp cạnh đối diện song song	
b) 1 m^2 = 100 dm^2	
c) 1 phút = 100 giây	
d) Số 482 082 là số chẵn	

Bài 6. Tú mua 5 hộp bút màu, mỗi hộp giá 12 000 đồng và 4 quyển vở, mỗi quyển giá 6000 đồng. Tú đưa cô bán hàng tờ 500 000 đồng. Hỏi cô bán hàng trả lại Tú bao nhiêu tiền?

a) Tiền mua bút màu: …… đồng

b) Tiền mua vở: …… đồng

c) Tiền trả lại: …… đồng

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 4 · Phiếu số 45

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	D	D	C	B	A	A

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) (337 − 25) : 6 + 1 = 53 (số)

b) 25 + (28 − 1) × 6 = 187

Bài 2.

a) 588 988 + 247 303 = 836 291

b) 672 103 − 169 313 = 502 790

c) 13 890 × 5 = 69 450

d) 8241 : 3 = 2747

Bài 3.

a) 6253 + (355 + 645) = 6253 + 1 000 = 7253

b) (4927 − 927) + 6045 = 4000 + 6045 = 10 045

c) (170 + 30) + 7333 = 200 + 7333 = 7533

Bài 4.

a) (33 + 28) × 2 = 122 (cm)

b) DC = AB = 33 cm

c) AD = BC = 28 cm

Bài 5.

a) Đ; b) Đ; c) S; d) Đ

Bài 6.

Bút màu: 12 000 × 5 = 60 000 (đồng)

Vở: 6000 × 4 = 24 000 (đồng)

Trả lại: 500 000 − 84 000 = 416 000 (đồng)